

Số: /GPMT-UBND

Cao Bằng, ngày tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 946/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường; phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cao Bằng;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Bệnh viện Hà Quảng tại Công văn số 320/CV-BVHQ ngày 18 tháng 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1468/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Hà Quảng, địa chỉ tại: Xóm Xuân Lộc, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở y tế với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện Hà Quảng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xóm Xuân Lộc, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 77/CB-GPHĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đổi tên Bệnh viện đa khoa huyện Hà Quảng trực thuộc Sở Y tế Cao Bằng thành Bệnh viện Hà Quảng trực thuộc Sở Y tế Cao Bằng; Quyết định số 2181/QĐ-SYT ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Cao Bằng về việc điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa huyện Hà Quảng do thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm.

1.4. Mã số thuế: 4800911520.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh và điều trị ngoại trú, nội trú.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Phạm vi của Cơ sở:

+ Phạm vi diện tích của Cơ sở theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.202,1 m².

+ Phạm vi diện tích của Cơ sở tại thời điểm cấp Giấy phép môi trường là 7.675,2 m² (theo Bản vẽ tổng mặt bằng chung Bệnh viện Hà Quảng do Trung tâm Điều tra, đo đạc quy hoạch tài nguyên nông lâm nghiệp, ký vào ngày 05 tháng 1 năm 2026), trong đó: Diện tích được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 7.202,1 m²; diện tích nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 473,1 m² (gồm: Tường rào phía Bắc; một phần tường rào phía Nam và phía Tây; một phần bồn hoa, cây cảnh phía Bắc; một phần diện tích Khoa Truyền nhiễm và 02 bể tự hoại của Khoa Truyền nhiễm; một phần diện tích lò đốt rác hiện trạng, khu vực công sau; một phần rãnh xây thu gom nước mưa nằm sau Khoa Truyền nhiễm và một phần từ vườn hoa cây cảnh đến khu vực đặt lò đốt rác hiện trạng; 01 hố ga thu nước mưa bố trí gần lò đốt rác hiện trạng).

- Cơ sở thuộc nhóm III theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026.

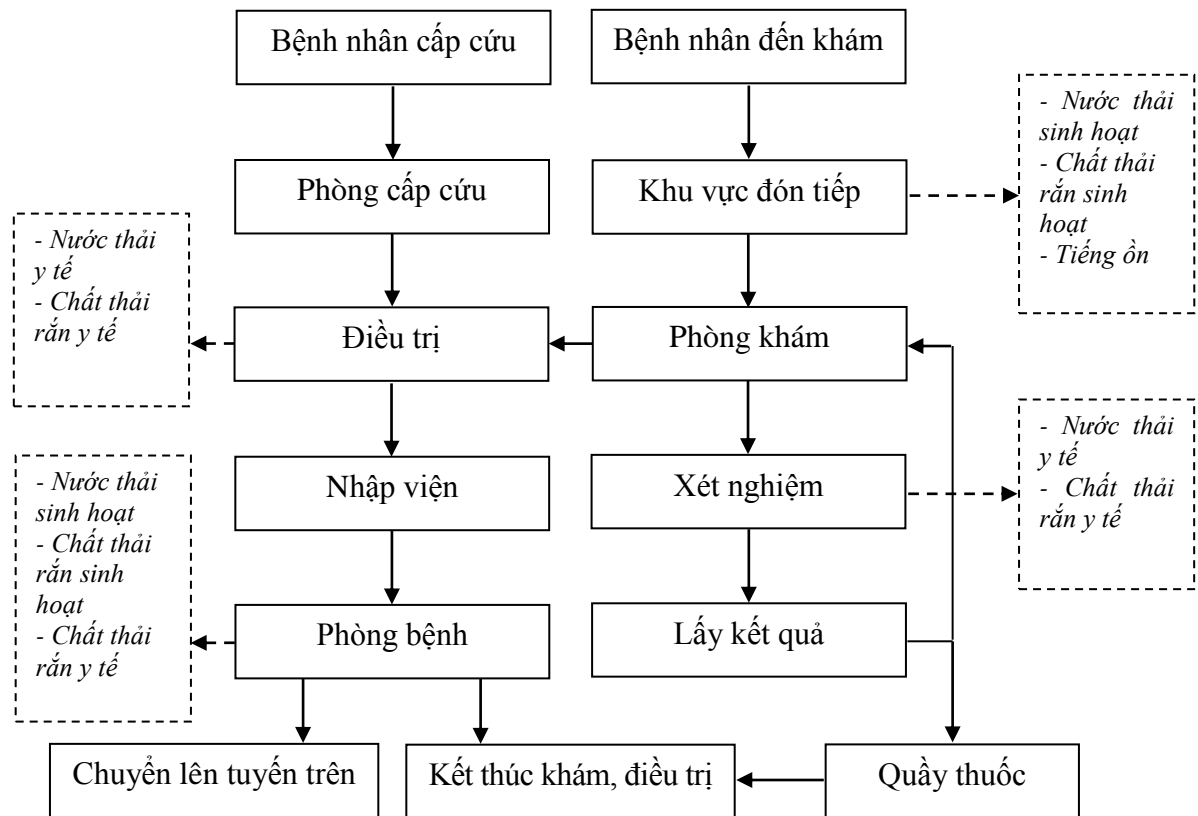
- Quy mô: Cơ sở thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Các hạng mục: Nhà Hành chính + Khoa Dược; Khoa Khám bệnh; Khoa Cấp cứu, Hồi sức tích cực; Nhà Điều trị nội trú (gồm: Khoa Nội, Khoa Ngoại,

Khoa Sản, Khoa Nhi); Nhà Kỹ thuật; Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn; Khoa Dinh dưỡng; Khoa Truyền nhiễm; Nhà Đại thể; Nhà phục hồi chức năng; Nhà lưu giữ chất thải (gồm: Kho chất thải tái chế; Kho chất thải nguy hại không lây nhiễm; Kho chất thải lây nhiễm); Hệ thống xử lý nước thải tập trung; Nhà bảo vệ; Nhà để xe bệnh nhân; Nhà để máy phát điện; Lò đốt rác hiện trạng và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất: 90 giường bệnh.

- Quy trình khám bệnh, chữa bệnh:



Thuyết minh Quy trình khám bệnh, chữa bệnh:

+ Bệnh nhân tại khu vực tiếp đón được nhân viên phân loại xử lý ban đầu theo nhu cầu khám bệnh và hướng dẫn đến phòng khám phù hợp. Sau khi khám tổng quát, bệnh nhân được bác sĩ chỉ định đi làm các thủ tục cần thiết, như: Xét nghiệm, chụp X - quang, nội soi, siêu âm,... Bác sĩ thực hiện xét nghiệm sẽ đưa lại phiếu kết quả cho bệnh nhân (hoặc người nhà bệnh nhân), chuyển về phòng khám ban đầu. Tùy theo tình trạng của bệnh nhân, bác sĩ sẽ kiến nghị bệnh nhân nhập viện điều trị hoặc kê đơn thuốc điều trị tại nhà.

+ Bệnh nhân cấp cứu vào phòng cấp cứu, bác sĩ sẽ trực tiếp khám, điều trị và mổ (trong trường hợp cần). Sau đó, bệnh nhân được chuyển sang phòng bệnh để theo dõi và điều trị tiếp, đến khi có chỉ định xuất viện của bác sĩ; đối với trường hợp bệnh nặng không đủ khả năng điều trị tại Cơ sở thì sẽ được làm các thủ tục chuyển viện tuyến tỉnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Được phép thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.6. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ cơ sở

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Bệnh viện Hà Quảng có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày tháng 3 năm 2036).

Điều 4. Giao cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân xã Trường Hà tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Bệnh viện Hà Quảng;
- Sở Y tế tỉnh Cao Bằng;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Trường Hà;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm thông tin tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, KT_(TH).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Văn Thạch

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Tổng lượng nước thải phát sinh: Khoảng 43,55 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, y bác sĩ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách vắng lai,... với lưu lượng khoảng 8,71 m³/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh (bao gồm nước thải từ hoạt động giặt là phục vụ công tác y tế) với lưu lượng khoảng 34,84 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Là suối Lê-Nin; Nước thải sau xử lý tại hố ga theo ống nhựa PVC D160 với chiều dài khoảng 15m chảy vào suối Lê-Nin.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại hố ga theo ống nhựa PVC D160 với chiều dài khoảng 15m chảy vào suối Lê-Nin thuộc địa phận xóm Xuân Lộc, xã Trường Hà, tỉnh Cao Bằng.

- Tọa độ vị trí xả nước thải ra suối Lê-Nin: X(m) = 2533332,94; Y(m) = 532519,11 (sử dụng hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^o45', múi chiều 3^o).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Khoảng 50 m³/ngày đêm, tương đương tính trung bình khoảng 2,083 m³/giờ (tính theo Công suất xử lý của Hệ thống xử lý nước thải tập trung).

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.5. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn, không liên tục, lưu lượng xả thải phụ thuộc vào số lượng bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, khách vắng lai.

2.6. Chất lượng nước thải: Trước khi thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, đạt Quy chuẩn Việt Nam, cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT (cột B)	QCVN 40:2025/ BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 - 8,5	6 - 9	<p>- Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ.</p> <p>- Chủ cơ sở đề xuất thực hiện quan trắc nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung với tần suất 06 tháng/lần.</p>
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	50	≤ 60	
3	COD	mg/L	100	≤ 90	
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	100	≤ 80	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	4,0	≤ 0,5	
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	10	≤ 10	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/L	50	-	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/L	10	-	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	20	≤ 30	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	0,1	-	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	1,0	-	
12	Tổng coliform	MPN/ 100 mL	5.000	≤ 5.000	
13	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	-	≤ 40	
14	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	-	≤ 14	
15	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/L	-	≤ 5,0	
16	Salmonella	Vi khuẩn/ 100 mL	KPH	-	
17	Shigella	Vi khuẩn/ 100 mL	KPH	-	
18	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100 mL	KPH	-	

Lộ trình áp dụng:

- Trước ngày 01/01/2032: Nước thải y tế của Cơ sở phải đáp ứng áp dụng giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm trong nước thải y tế theo QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế. Khuyến khích Chủ cơ sở áp dụng ngay quy định đối với nước thải của Cơ sở theo QCVN 40:2025/BTNMT.

- Từ ngày 01/01/2032: Nước thải y tế của Cơ sở phải đáp ứng yêu cầu theo QCVN 40:2025/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Trường hợp, Cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành các quy định liên quan đến việc thay đổi chức năng của nguồn tiếp nhận thì Chủ cơ sở thực hiện theo lộ trình do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khi ban hành các quy định nêu trên.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

1.1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom nước mưa hoàn toàn tách biệt với hệ thống thu gom nước thải.

- Nước mưa mái công trình, sân đường nội bộ được thu gom bằng hệ thống rãnh xây với tổng chiều dài 764m, gồm: Rãnh (BxH = 0,47x0,40)m, chiều dài khoảng 562m; rãnh (BxH = 0,84x0,55÷1,15)m, chiều dài khoảng 202m. Trên hệ thống rãnh, bố trí 02 hố ga lắng cặn, kích thước (LxBxH = 1,1x1,0x0,95)m. Nước mưa sau khi lắng cặn thoát tự chảy qua 02 cửa xả (gồm: 01 cửa xả phía Tây Bắc; 01 cửa xả phía Tây Nam) vào nguồn tiếp nhận là suối Lê-Nin.

1.1.2. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt tại các khu vệ sinh và nước thải y tế từ hoạt động khám, chữa bệnh tại các khoa, phòng được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 13 bể tự hoại, chia 03 ngăn, thể tích khoảng 179,4 m³ (gồm: 02 bể bố trí cạnh Khoa Truyền nhiễm để thu gom, xử lý nước thải từ Khoa Truyền nhiễm; 01 bể bố trí dưới Khoa Phục hồi chức năng, thu gom, xử lý nước thải từ Khoa phục hồi chức năng; 02 bể dưới Nhà hành chính - Khoa dược, thu gom, xử lý nước thải từ Nhà hành chính - Khoa dược; 01 bể bố trí cạnh Khoa Dinh dưỡng, thu gom, xử lý nước thải từ Khoa dinh dưỡng; 02 bể bố trí dưới vườn hoa, cây cảnh thu gom, xử lý nước thải từ Nhà Điều trị nội trú; 02 bể bố trí phía sau Khoa Khám bệnh thu gom, xử lý nước thải từ Khoa Khám bệnh; 01 bể bố trí cạnh Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực, thu gom, xử lý nước thải từ Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực; 01 bể bố trí sau Nhà Kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải từ Nhà Kỹ thuật; 01 bể bố trí cạnh Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn thu gom, xử lý nước thải từ Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn). Nước thải từ bể tự hoại và nước thải giặt được tự chảy về Hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng đường ống nhựa UPVC D140 dài khoảng 283,07m. Trên hệ thống thu gom, bố trí 08 hố ga lắng cặn, trong đó: 06 hố ga,

kích thước (LxBxH = 1,12x1,12x1,2)m; 02 hố ga kích thước (LxBxH = 1,14x1,14x1,2)m.

Toàn bộ nước thải từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung thoát theo ống nhựa PVC D65 dài khoảng 2 m vào hố ga đầu ra, thể tích 1,82 m³, kích thước (LxBxH = 1,16x1,16x1,35)m; sau đó, chảy theo ống nhựa PVC D160 chiều dài khoảng 15m vào nguồn tiếp nhận là suối Lê-Nin ở phía Tây Nam.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ nước thải

- Công trình xử lý gồm: 13 bể tự hoại, chia 03 ngăn với tổng thể tích khoảng 179,4m³, tương ứng 13,8m³/bể, kích thước (LxBxH = 4,0x1,5x2,3)m.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải bằng bể tự hoại: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn Lắng → Ngăn lọc → Hệ thống XLNT tập trung (công suất 50 m³/ngày đêm).

- Thuyết minh quy trình nước thải tại Bể tự hoại: Công trình thực hiện đồng thời hai chức năng lắng và phân huỷ cặn lắng; cặn lắng ở trong bể dưới ảnh hưởng của vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải sau quá trình xử lý ở bể tự hoại được thu gom vào Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Công nghệ: Công nghệ AAO.

- Công suất thiết kế xử lý: 50 m³/ngày đêm.

- Số lượng công trình, gồm: 01 Hố ga đầu vào, thể tích khoảng 1,82 m³, kích thước (LxBxH = 1,16x1,16x1,35)m; 01 bể xử lý (gồm: Khoang phân ly rắn lỏng; khoang điều hoà lưu lượng; khoang lắng bùn 1, 2, 3, 4), thể tích 66,4m³; kích thước (LxBxH = 5,0x3,2x4,15)m; 01 module xử lý hợp khối (gồm: Khoang đệm vi sinh lưu động; khoang lắng; khoang vật lưu lọc; khoang khử trùng; khoang nước đã xử lý), thể tích 23,09 m³; kích thước (LxD = 7x2,05)m; 01 hố ga đầu ra, thể tích khoảng 1,82 m³, kích thước (LxBxH = 1,16x1,16x1,35)m.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Hố ga đầu vào → Khoang phân ly rắn lỏng → Khoang điều hoà lưu lượng → Khoang đệm vi sinh lưu động → Khoang lắng → Khoang vật lưu lọc → Khoang khử trùng → Khoang nước đã xử lý → Hố ga đầu ra → Ống nhựa PVC D160 → Suối Lê-nin.

- Thuyết minh quy trình: Nước thải được thu gom qua hệ thống đường ống dẫn về hố ga đầu vào, rồi chảy vào khoang phân ly rắn - lỏng (gồm: 02 ngăn). Nước thải từ ngăn 1 được dẫn sang ngăn 2 của khoang phân ly rắn - lỏng thông qua 01 song chắn rác inox, nhằm loại bỏ rác thô và các cặn có kích thước lớn. Sau đó, nước thải tiếp tục chảy vào khoang điều hoà lưu lượng nhằm ổn định lưu lượng và nồng độ, rồi được bơm dẫn sang mô-đun xử lý hợp khối. Tại

khoang đệm vi sinh lưu động, dưới tác động của các vi sinh vật hiếu khí chuyển hoá các chất hữu cơ trong nước thải thành các thành phần đơn giản như CO_2 , H_2O , NO_3^- ,... Tiếp theo, nước thải chảy qua khoang lắng để tách bùn sinh học. Một phần bùn được tuần hoàn trở lại khoang đệm vi sinh lưu động và khoang điều hoà lưu lượng để duy trì mật độ vi sinh vật trong hệ thống. Nước thải tiếp tục chảy sang khoang vật lưu lọc để loại bỏ các cặn mịn còn sót lại (*Các hạt bùn bám dính trên bề mặt tấm màng lọc được loại bỏ bằng hệ thống bơm sục rửa bùn tự động. Bùn dư từ khoang lắng và khoang vật lưu lọc được bơm về khoang lắng bùn 1*). Nước thải sau xử lý được chảy sang khoang khử trùng để tiêu diệt virus, vi khuẩn gây bệnh bằng hoá chất Cloramin B. Phần bùn dư sau khi được bơm về khoang lắng bùn 1 sẽ tràn dần sang các khoang lắng bùn 2, 3 và 4 thông qua các ống dẫn bố trí tại đáy khoang. Khi các khoang chứa bùn đầy, bùn thải được hút và vận chuyển xử lý theo quy định bởi các đơn vị có chức năng. Phần nước thải phía trên được thu hồi qua ống nổi tại khoang lắng bùn 2 và 4, sau đó chảy trở lại khoang điều hoà lưu lượng và khoang phân ly rắn lỏng để tiếp tục xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam hiện hành và chảy vào khoang nước đã xử lý, thoát sang hố ga đầu ra; sau đó, theo ống nhựa PVC D160 chảy vào nguồn tiếp nhận là suối Lê-Nin ở phía Tây Nam.

- Hóa chất sử dụng: Viên khử trùng Cloramin B, liều lượng sử dụng tối đa khoảng 100 viên/tháng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, hướng dẫn vận hành, an toàn lao động cho nhân viên kỹ thuật; trang bị máy bơm, thiết bị dự phòng thay thế, sửa chữa trong trường hợp xảy ra sự cố, đảm bảo Hệ thống xử lý nước thải vận hành liên tục, ổn định.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, bảo trì hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo hướng dẫn nhà sản xuất.

- Định kỳ lấy mẫu và phân tích mẫu nước thải sau xử lý để kiểm tra, đánh giá hiệu quả Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt giá trị giới hạn cho phép: Nước thải sẽ được bơm trở lại khoang điều hoà lưu lượng. Nhân viên vận hành tiến hành rà soát toàn bộ Hệ thống xử lý nước thải để xác định nguyên nhân sự

cố và khắc phục. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Trường hợp Hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố do thiết bị xử lý, công trình lưu giữ, xử lý nước thải: **(1)** Trường hợp hỏng hóc thiết bị phải thực hiện các biện pháp vận hành các thiết bị dự phòng, tháo các thiết bị hỏng hóc để kiểm tra, bảo dưỡng, bổ sung thay thế; **(2)** Trường hợp sự cố do vận hành liên quan đến việc phải chỉnh liều lượng hóa chất phù hợp, điều chỉnh nồng độ bùn, bổ sung thêm men vi sinh, tăng dưỡng chất tiến hành rà soát, điều chỉnh, khắc phục sự cố; bơm nước thải chưa xử lý tại các bể xử lý về bể điều hòa để tiếp tục quy trình xử lý; **(3)** Trường hợp nước thải trong các bể xử lý bị ú đọng/tràn do sự cố bơm chính thì phải vận hành bơm dự phòng; tiến hành vệ sinh bơm bị sự cố hoặc thay thế bơm mới; **(4)** Trường hợp nước thải rò rỉ do sự cố nứt, vỡ bể xử lý phối hợp với đơn vị chuyên nghiệp thực hiện sửa chữa bằng cách trám bít vết nứt bằng vật liệu chuyên dụng như keo epoxy, vữa,... hoặc xây tường bể bị hư hỏng; **(5)** Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố nghiêm trọng dẫn đến nồng độ các chất ô nhiễm vượt quá tiêu chuẩn xả thải ra ngoài môi trường, chưa thể khắc phục ngay, Cơ sở sẽ thực hiện lưu chứa nước thải tại các bể xử lý của Hệ thống xử lý, bổ sung men vi sinh vào các bể xử lý để duy trì, hỗ trợ hoạt động xử lý nước thải, khẩn trương tiến hành khắc phục, sửa chữa; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được bơm từ các bể xử lý về bể điều hòa để tiếp tục quy trình xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm sau khi được cấp Giấy phép môi trường theo quy định tại điểm g khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ với tần suất 01 năm/lần để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống công trình thu gom, Hệ thống xử lý nước thải. Việc vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành. Thực hiện đầy đủ Chương trình quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại mục 2.6, Phần A Phụ lục này và quy định lĩnh vực y tế.

3.4. Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm, nếu nước thải của Cơ sở xả ra ngoài môi trường không đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam về môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Bố trí nhân viên thường xuyên dọn dẹp vệ sinh khoa, phòng, hành lang, sân đường nội bộ Cơ sở; sử dụng hóa chất khử trùng hợp lý tại khu nhà giặt và vệ sinh khoa phòng của Cơ sở, tránh sử dụng quá liều lượng gây mùi khó chịu.

- Bố trí nhân viên thường xuyên vận hành, bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải được xử lý liên tục hạn chế được mùi hôi từ quá trình phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ trong nước thải.

- Các phương tiện vận chuyển của Cơ sở được kiểm tra bảo dưỡng định kỳ đảm bảo các phương tiện vận chuyển luôn hoạt động tốt để giảm thiểu tối đa lượng khí thải phát sinh.

- Sử dụng nhiên liệu dầu DO chạy máy phát điện dự phòng đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa trong mọi trường hợp để quá trình hoạt động không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chủ cơ sở hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam về môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Hoạt động của máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Từ các thiết bị phục vụ hoạt động khám, chữa bệnh.
- Nguồn số 04: Từ các phương tiện giao thông, vận tải ra vào cơ sở.

2. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể:

+ Tiếng ồn:

Khu vực bị ảnh hưởng	QCVN 26:2025/BNNMT (đơn vị: dBA)		
	Khoảng thời gian		
	Ngày (06h00 đến trước 18h00)	Tối (18h00 đến trước 22h00)	Đêm (22h00 đến trước 06h00)
Khu vực A	50	45	40

+ Độ rung:

Khu vực bị ảnh hưởng	QCVN 27:2025/BNNMT (đơn vị: dB)	
	Khoảng thời gian	
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)
Khu vực A	60	55

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên theo quy định.
- Trồng cây xanh, hoa, thảm cỏ trong khuôn viên Cơ sở để tạo cảnh quan, giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Thực hiện trồng cây xanh, bố trí bồn hoa, thảm cỏ tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp, đồng thời góp phần giảm thiểu tác động của tiếng ồn ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Tổ chức giao thông nội bộ hợp lý, hạn chế việc sử dụng còi xe trong khuôn viên bệnh viện.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Chất thải nguy hại từ hoạt động khám chữa bệnh chuyên môn y tế và hoạt động sinh hoạt của cán bộ, y bác sĩ tại Cơ sở.

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	2.000
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	15
3	Các thiết bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng có chứa thủy ngân	13 03 02	0,5
4	Pin thải	16 01 12	02
Tổng cộng			2.017,5

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, y bác sĩ, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, khách vãng lai.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh chuyên môn y tế.

- Bùn thải từ các bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải,...

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt (gồm: thức ăn thừa, các loại chai lọ, đồ hộp, túi nilon,...)	18.000

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
2	Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chuyên môn y tế (chai, lọ nhựa không chứa thành phần nguy hại, vỏ bao bì các loại thuốc,...)	350
3	Bùn thải	200,8
Tổng cộng		18.550,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

a. Chất thải nguy hại không lây nhiễm

Bố trí 12 thùng, màu đen, có nắp đậy, lót túi nilon để thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm, trong đó: 01 thùng nhựa, dung tích 20 lít đặt tại Phòng Xét nghiệm; 11 thùng nhựa (gồm: 04 thùng, dung tích 30 lít; 07 thùng, dung tích 60 lít) đặt tại Kho chất thải nguy hại không lây nhiễm.

b. Chất thải lây nhiễm

- Bố trí 77 thùng nhựa màu vàng, có nắp đậy, lót túi nilon lưu chất thải nguy hại lây nhiễm, trong đó: 50 thùng nhựa (gồm: 16 thùng, dung tích 02 lít; 06 thùng, dung tích 05 lít; 28 thùng, dung tích 20 lít) thu gom, lưu tại các khoa, phòng; 27 thùng nhựa (gồm: 24 thùng, dung tích 60 lít; 03 thùng, dung tích 120 lít) đặt tại Kho chất thải lây nhiễm.

- Chất thải lây nhiễm là mô bệnh phẩm được lưu giữ trong 01 tủ lạnh, dung tích 180 lít đặt tại Kho chất thải lây nhiễm.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Bố trí Nhà lưu giữ chất thải diện tích 33,42 m², trong đó: 01 kho chất thải lây nhiễm, 01 kho chất thải nguy hại không lây nhiễm và 01 kho chất thải tái chế, diện tích mỗi kho khoảng 11,14 m², sơn màu vàng nhạt cao 1,3m, phần bên trên quay tôn lượn sóng màu đỏ; mái xà gồ thép, lợp tôn sóng đỏ.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như: Cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được

lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Xử lý chất thải

- Chất thải lây nhiễm:

+ Trước khi được lắp đặt, sử dụng lò đốt rác thải y tế của Dự án xử lý chất thải của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng: Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng chuyển giao, xử lý chất thải y tế nguy hại lây nhiễm với đơn vị, cơ sở có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Khi được sử dụng lò đốt rác thải y tế của Dự án xử lý chất thải của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Cao Bằng: Chất thải lây nhiễm được xử lý bằng lò đốt chất thải rắn y tế trong khuôn viên Cơ sở. Trường hợp lò đốt bị hỏng hóc hoặc xử lý không đảm bảo phải tiến hành sửa chữa thì Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng chuyển giao, xử lý chất thải y tế nguy hại lây nhiễm với đơn vị, cơ sở có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định trong thời gian sửa chữa, khắc phục.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 08 thùng nhựa màu trắng, có nắp đậy, lót túi nilon (gồm: 01 thùng 05 lít, 03 thùng 20 lít, 03 thùng 60 lít và 01 thùng 120 lít) thu gom, phân loại chất thải rắn có khả năng tái chế (gồm: Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế; chất thải y tế thông thường không nguy hại có khả năng tái chế) đặt tại các khoa, phòng.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

- Bố trí 01 Kho chất thải tái chế diện tích khoảng 11,14 m² thuộc Nhà lưu giữ chất thải diện tích 33,42 m², sơn màu vàng nhạt cao 1,3m, phần bên trên quay tôn lượn sóng màu đỏ, mái xà gồ thép, lợp tôn sóng đỏ.

- Bố trí 04 khoang lắng bùn để thu gom bùn dư từ Hệ thống xử lý nước thải tập trung, tổng thể tích khoảng 26,975 m³, gồm: Khoang lắng bùn 1 thể tích 5,395m³, kích thước (LxBxH = 1,3x1,0x4,15)m; khoang lắng bùn 2 và 3 thể tích 7,0135m³/bể, kích thước (LxBxH = 1,3x1,3x4,15)m; khoang lắng bùn 4 thể tích 7,553m³, kích thước (LxBxH = 1,3x1,4x4,15)m.

2.2.3. Xử lý chất thải

- Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế và chất thải rắn y tế thông thường không nguy hại có khả năng tái chế định kỳ hợp đồng với các cá nhân, cơ sở thu mua chất thải tái chế có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Khi các khoang lắng bùn của Hệ thống xử lý nước thải có hiện tượng đầy, hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

Bộ trí 59 thùng nhựa màu xanh có nắp đậy, lót túi nilon, lưu chất thải rắn sinh hoạt (gồm: Chất thải sinh hoạt không có khả năng tái sử dụng và chất thải y tế còn lại), trong đó: 52 thùng nhựa (gồm: 04 thùng dung tích 05 lít, 01 thùng dung tích 10 lít, 22 thùng dung tích 20 lít, 01 thùng dung tích 30 lít, 12 thùng 60 lít, 11 thùng dung tích 120 lít và 01 thùng dung tích 240 lít) đặt tại các khoa, phòng; 07 thùng nhựa (gồm: 02 thùng dung tích 60 lít, 01 thùng dung tích 80 lít, 03 thùng dung tích 120 lít và 01 thùng dung tích 240 lít) đặt tại vị trí tập kết rác thải sinh hoạt gần Nhà Đại thể ở phía Tây Nam của Cơ sở.

Bộ trí 09 thùng nhựa màu xanh, dung tích 60 lít, có nắp đậy, lót túi nilon, lưu chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, đặt tại hành lang các khoa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

Bộ trí 01 vị trí tập kết rác thải sinh hoạt gần Nhà Đại thể ở phía Tây Nam của Cơ sở.

2.3.3. Xử lý chất thải

- Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng: Cho người dân, nhân viên làm việc tại Cơ sở tận dụng làm thức ăn chăn nuôi.

- Chất thải rắn sinh hoạt còn lại: Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT; Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT để có biện pháp quản lý phù hợp.

2. Đảm bảo an toàn và thực hiện các phương án phòng chống, biện pháp phòng ngừa ứng phó với sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải, sự cố hệ thống xử lý bụi, khí thải, sự cố về tai nạn lao động và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp, kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 3 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở đã hoàn thành các hạng mục công trình bảo vệ môi trường phục vụ hoạt động khám chữa bệnh; không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy, an toàn bức xạ theo quy định hiện hành.

3. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo quy định (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4).

5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu sử dụng của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các vấn

bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.